

Bản án số: 34/2020/DS-ST
Ngày 29-5-2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mùa
2. Ông Điều Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 191/2019/TLST-DS ngày 16/12/2019, về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-DS ngày 25/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đào Thị L** (Tên gọi khác: Hậu), sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố Xuân Lộc, phường T X, TP.Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước “có mặt”

2. *Bị đơn:* Bà **Danh Thị H**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “có mặt”

3. *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Sỹ D**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Nguyễn Đức D – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện; tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay như sau:

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 13/6/2017 bà Đào Thị L có cho bà Danh Thị H vay số tiền 140.000.000 đồng để bà H đáo hạn ngân hàng cho người khác. Khi vay có lập giấy tay và bà H ký tên vào giấy phần “người vay”. Khi vay hai bên thống nhất thời hạn vay là 01 tuần (tức 07 ngày), ngoài ra bà L và bà H còn thỏa thuận bằng lời nói lãi vay là 2.000 đồng/01 triệu/ngày.

Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay bà H không trả cho bà L được số tiền gốc vay và khoản tiền lãi nào cả.

Do đó bà L khởi kiện yêu cầu bà Danh Thị H phải trả cho bà L số tiền gốc vay 140.000.000 đồng và tiền lãi vay: trong hạn từ ngày 13/6/2017 đến ngày 20/6/2017 với mức lãi 0,75%/tháng là 155.000 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 21/6/2017 đến ngày khởi kiện 25/10/2019 với mức lãi suất 1,5%/tháng thành số tiền 58.800.000 đồng.

Bị đơn bà Danh Thị H trình bày tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay như sau:

Do có quan hệ thân quen nên tôi thường xuyên vay tiền của bà L để lấy tiền đáo hạn ngân hàng cho người khác để lấy tiền công, tuy nhiên các lần vay đều trả cho bà L đầy đủ.

Vào ngày 13/6/2017 tôi vay của bà L số tiền gốc 140.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 20/6/2017 trả, lãi thỏa thuận bằng lời nói là 2.000 đồng/01 triệu/ngày. Khi đó bà L có viết tay giấy vay, viết vào phần bên dưới của 01 giấy vay ngày 8/6/2017 đã gạch (tức đã trả) và tôi ký tên vào tư cách người vay, giấy vay bản gốc do bà L giữ.

Vào ngày 16/6/2017 tôi đã trả trước hạn cho bà L toàn bộ số tiền vay gốc 140.000.000 đồng và tiền lãi là 1.120.000 đồng, tuy nhiên do là chỗ quen biết và tin tưởng nên tôi nghĩ sau khi tôi trả tiền, bà L sẽ gạch giấy vay như những lần trước tôi trả tiền. Tuy nhiên khoảng 10 ngày đó, tôi đến nhà bà L để trả món vay khác thì bà L mở sổ vay ra và bà thấy phần ghi số tiền vay 140.000.000 đồng vào ngày 13/6/2017 chưa gạch thì bà L yêu cầu tôi trả tiền, thì tôi bất ngờ và nói “em đã trả rồi, sao chị không gạch sổ” thì bà L cứ cãi là tôi chưa trả cho bà. Tuy tôi rất bức xúc nhưng do tôi thường xuyên vay của bà L các số tiền lớn để làm công việc đáo hạn ngân hàng nên tôi đành lòng trả cho bà L số tiền 140.000.000 đồng thêm một lần nữa: lần đầu tôi trả được 40.000.000 đồng, lần sau tôi trả thêm 100.000.000 đồng, cả hai lần trả đều không lập giấy tờ gì, đều trả trong năm 2017.

Tuy nhiên nay bà L tiếp tục sử dụng giấy vay tiền ngày 13/6/2017 để khởi kiện tôi trả tiền thì tôi không đồng ý trả vì tôi đã trả 02 lần tiền cho bà L rồi.

Số tiền 140.000.000 đồng tôi vay để tôi làm công việc riêng, chồng tôi ông Lê Sỹ D không biết, không được sử dụng.

Ý kiến Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn bà H trả số tiền gốc vay 140.000.000 đồng và các khoản tiền lãi vay trong hạn và quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn bà Đào Thị L thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Danh Thị H cư trú tại thôn 3, xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Lê Sỹ D có mặt tại nơi cư trú, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông D vắng mặt trong các lần làm việc và tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đào Thị L yêu cầu bị đơn bà H phải trả cho bà số tiền gốc vay 140.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay đã xác lập giữa bà L và bà H.

Yêu cầu này được bà L chứng minh qua lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tại phiên tòa cũng như chứng cứ của việc vay tiền đó là giấy vay đề ngày 13/6/2017. Xét giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp là bản giấy gốc, có chữ ký và ghi họ tên của người vay bà Danh Thị H bên phần người vay, thể hiện sự tự nguyện giao kết hợp đồng vay giữa các đương sự, giấy chưa bị gạch xóa, xé bỏ, nội dung thỏa thuận việc vay giữa các đương sự không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử nhận định việc xác lập hợp đồng vay giữa bà L và bà H là có thật. Bà L cho rằng bà H chưa trả cho bà được số tiền vay gốc và tiền lãi nào.

Đối với bị đơn bà Danh Thị H cho rằng, bà H có vay của bà L số tiền gốc 140.000.000 đồng, thời hạn vay 07 ngày, lãi 2.000 đồng/01 triệu/ngày. Tuy nhiên bà H đã trả toàn bộ số tiền vay gốc và lãi trực tiếp cho bà L 02 lần đều trong năm 2017. Tuy nhiên việc trả tiền này bà H chỉ trình bày bằng lời nói mà không cung cấp được giấy

tờ, tài liệu về việc trả tiền cũng như không có người làm chứng sự việc trả nợ và lời trình bày này không được bà L thừa nhận, do đó không có căn cứ thể hiện bà H đã trả nợ cho bà L.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, buộc bị đơn bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền gốc vay 140.000.000 đồng và tiền lãi.

[4] Về yêu cầu tính tiền lãi vay:

Xét thấy đây hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính tiền lãi trong hạn và quá hạn là đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn yêu cầu: Về tiền lãi trong hạn, từ ngày 13/6/2017 đến ngày 20/6/2017, với mức lãi 0,75%/tháng thành số tiền là 155.000 đồng. Tiền lãi quá hạn từ ngày 21/6/2017 đến ngày khởi kiện 25/10/2019 với mức lãi suất 1,5%/tháng thành số tiền 58.800.000 đồng.

Xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu không vượt quá mức lãi quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng cộng tiền gốc vay và tiền lãi là 198.955.000 đồng.

[5] Đối với ông Lê Sỹ D là chồng bà H, do vắng mặt tại các lần làm việc nên không có lời khai, thời điểm bà H vay nợ của bà L là trong thời kỳ hôn nhân với ông D, tuy nhiên tại các tài liệu của hồ sơ vay tiền được ký kết với bà L đều thể hiện do một mình bà H vay, mục đích vay để bà H đáo hạn ngân hàng cho người khác lấy tiền lời, việc bà H vay không có văn bản ủy quyền của ông D để bà H vay tiền, mục đích vay tiền không phải để nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của gia đình, do đó không đủ căn cứ xác định khoản vay 1400.000.000 đồng bà H vay nợ bà L là nợ chung của bà H và ông D, do đó bà H phải chịu trách nhiệm một mình trả nợ cho bà L.

[6] Tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị L.

Buộc bị đơn bà Danh Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Đào Thị L số tiền gốc vay tiền lãi tổng cộng 198.955.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 9.947.750 đồng bà H phải chịu.

Trả lại nguyên đơn bà L số tiền tạm ứng án phí 4.999.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019098 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hải Ly

